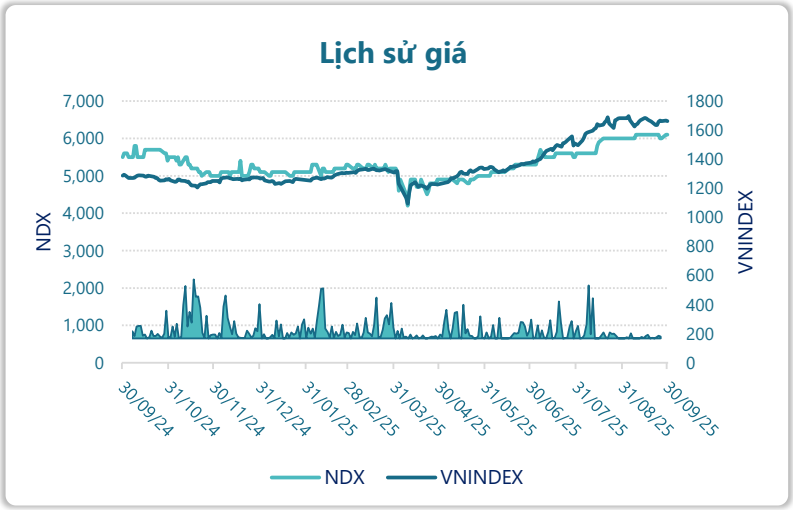
FireAnt

CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng (HNX: NDX)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,200
SL cổ phiếu LH	9,587,557
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,040
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	58
P/E	11.3
EPS	539

DT thuần

Q3/25

17.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.00| -5.4%

YoY: ▲ 11.0| 158%

LN sau thuế

Q3/25

1.91

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.14| -7.0%

YoY: ▲ 2.61| 372%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

16.6%

+/- YoY: ▲ 18.3%

DT thuần

9T 2025

43.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.10| 16.3%

LN sau thuế

9T 2025

4.12

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.08| 529%

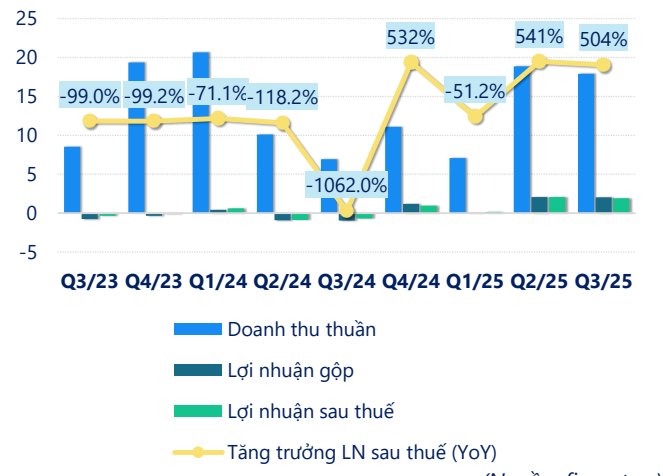
ROE

Q3/25

4.2%

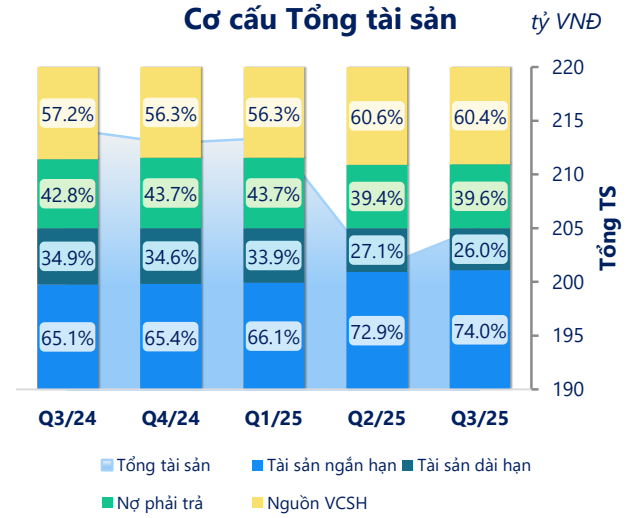
+/- YoY: ▲ 5.0%

Kết quả kinh doanh



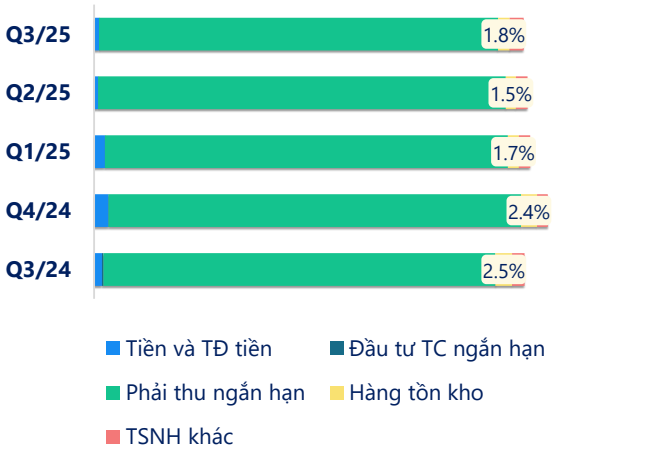
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



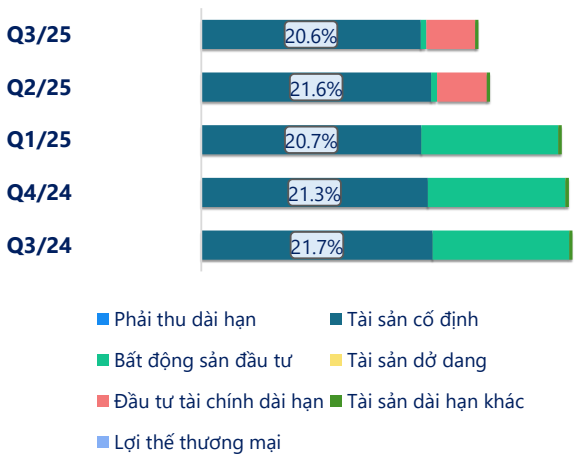
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



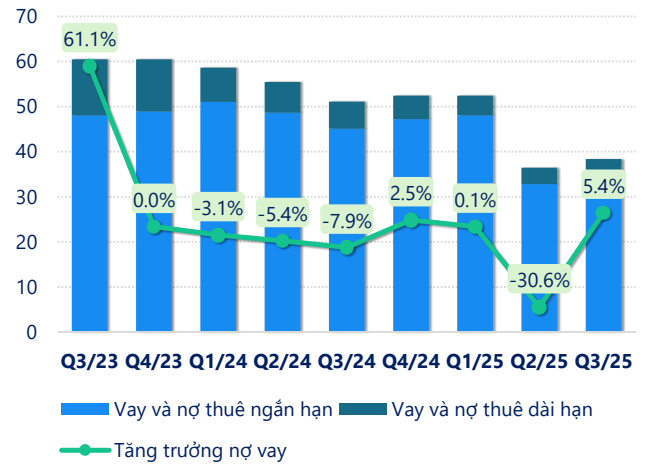
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



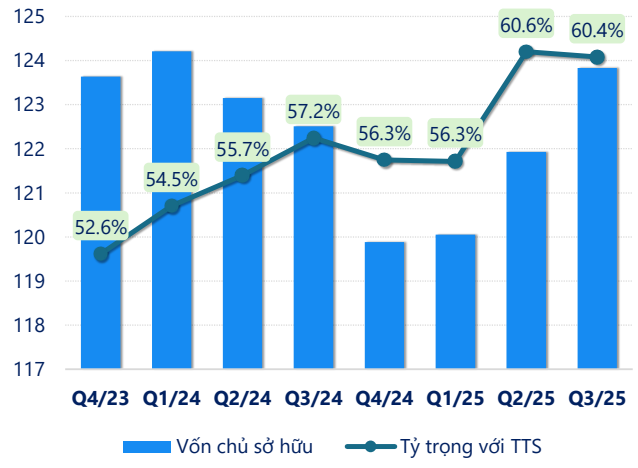
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



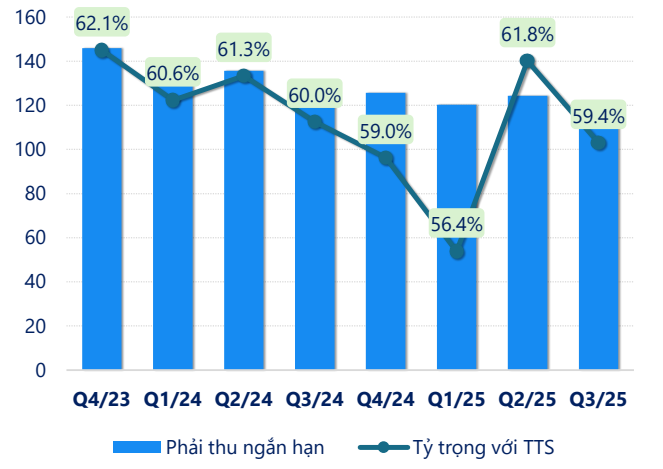
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



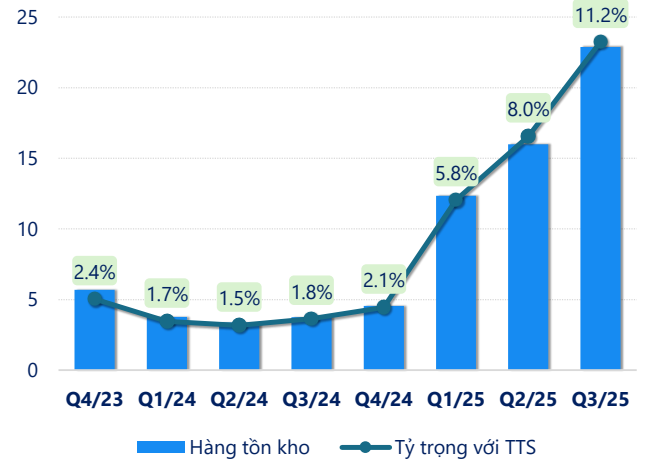
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



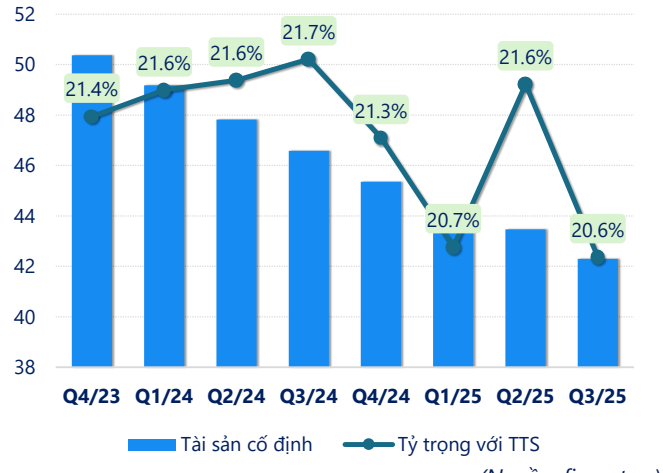
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



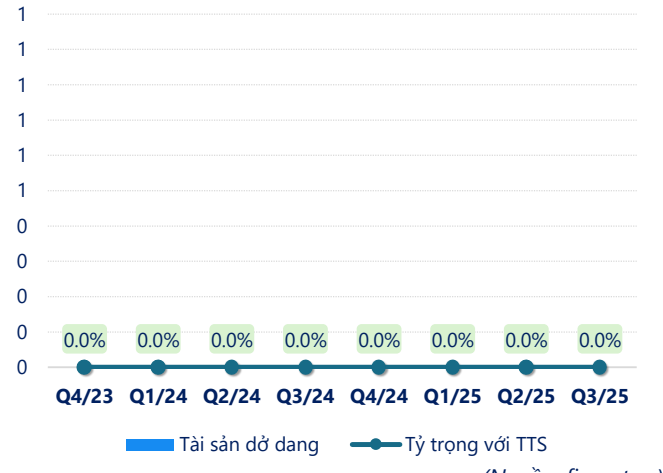
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



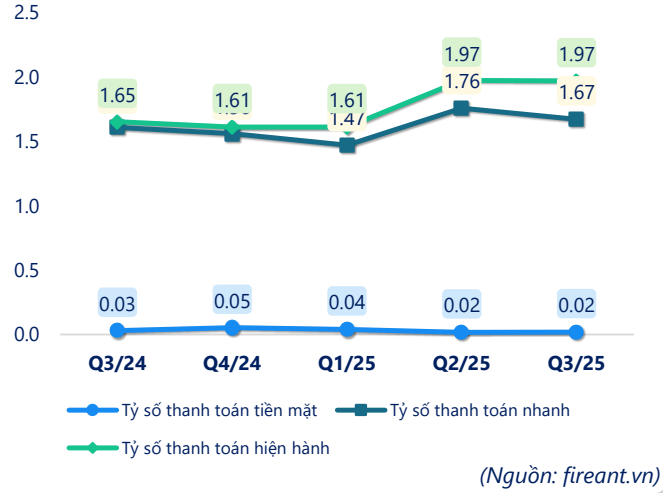
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



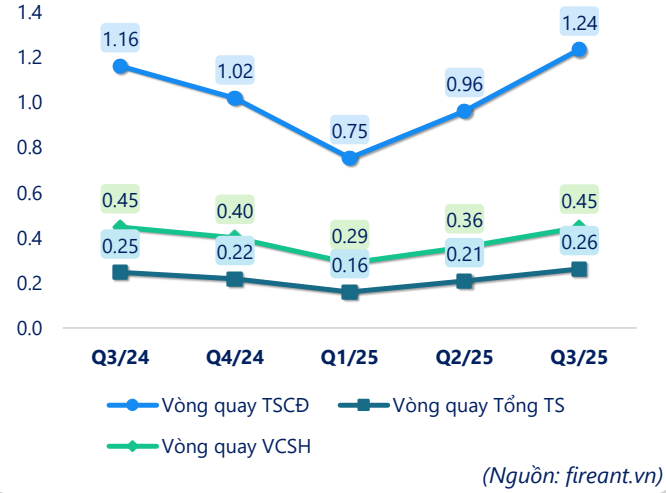
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**214**	**213**	**213**	**201**	**205**
Tài sản ngắn hạn	**139**	**139**	**141**	**147**	**152**
Tiền và tương đương tiền	2.54	4.59	3.49	1.25	1.51
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phải thu ngắn hạn	129	126	120	124	122
Hàng tồn kho	3.75	4.54	12.3	16.0	22.9
Tài sản ngắn hạn khác	4.55	4.54	4.96	5.08	5.36
Tài sản dài hạn	**74.8**	**73.6**	**72.3**	**54.6**	**53.4**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	46.6	45.4	44.1	43.5	42.3
Bất động sản đầu tư	27.5	27.5	27.5	1.13	1.12
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	-0.02	0.00	0	9.41	9.41
Tài sản dài hạn khác	0.69	0.74	0.70	0.61	0.60
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**91.7**	**93.0**	**93.4**	**79.3**	**81.2**
Nợ ngắn hạn	**84.4**	**86.5**	**87.6**	**74.3**	**77.1**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	45.1	47.2	48.1	32.8	35.6
Phải trả người bán ngắn hạn	6.98	6.59	5.64	8.68	12.9
Nợ dài hạn	7.30	6.55	5.76	4.95	4.17
Vay và nợ thuê dài hạn	5.99	5.19	4.39	3.59	2.79
Nguồn vốn chủ sở hữu	**123**	**120**	**120**	**122**	**124**
Vốn chủ sở hữu	**123**	**120**	**120**	**122**	**124**
Vốn điều lệ	99.9	99.9	99.9	99.9	99.9
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)